

Bản án số: 53/2018/HS-PT

Ngày: 07/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền và ông Lại Anh V.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án tỉnh Hải dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên - Kiểm sát viên.

Trong hai ngày, ngày 06 và ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2018/HSPT ngày 16 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Đình T. Do có kháng cáo của bị cáo T đối với bản án số 12/2018/HS-ST ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

**** Bị cáo bị kháng cáo:***

Nguyễn Đình T, sinh năm 1981 tại xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; ĐKKHKT: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Vũ Thị H, sinh năm 1984 và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 375/QĐ-XPHC ngày 22/8/2017, C an huyện N phạt 3.500.000đồng về hành vi hủy hoại tài sản (nhổ lúa).

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo T:** Ông Trần Văn T – Luật sư, Văn phòng luật sư K thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 19 T, quận H, thành phố Hà Nội (Có mặt).

- Người bị hại không kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986, Trú tại: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:** Ông Nguyễn Văn V,, sinh năm 1969; Trú tại: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt;
- Anh Nguyễn Đình K, sinh năm 1980; Trú tại: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương (đang bị tạm giam tại trại Kim Chi - C an tỉnh Hải Dương). Vắng mặt
- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; Trú tại: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt;
- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; Trú tại: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có tranh chấp ruộng đất giữa gia đình bà Nguyễn Thị H (mẹ Nguyễn Đình T) và gia đình bà Nguyễn Thị N (mẹ Nguyễn Văn Q). Khoảng 8 giờ ngày 30/6/2017, anh Q đang làm đất (đắp ụ) tại ruộng có tranh chấp thì T mang theo 01 đòn gánh bằng tre dài 1,5m ra. Tại đây, anh Q và T lời qua tiếng lại và xảy ra xô xát. T dùng đòn gánh đánh vào cẳng tay phải anh Q, anh Q dùng xẻng (cán bằng tre, lưỡi bằng kim loại) đánh lại vào phần đầu (đầu đội mũ cối) và cẳng tay trái làm phần lưỡi chiếc xẻng rời ra. Hai bên tiếp tục giằng co dưới ruộng thì anh Nguyễn Đình C (anh trai T) mang theo chiếc cuốc chạy đến. Thấy vậy, anh Q bỏ chạy về phía nhà ông Nguyễn Văn V (cách đó khoảng 70m). Khi đến nhà ông V, không có ai ở nhà anh Q lấy 01 tuýp sắt dài 1,15m, đường kính 3,5cm để ở rìa tường nhà quay lại ra gần bờ ao nhà ông V thì gặp T cầm đòn gánh chạy đến. T dùng đòn gánh vụt anh Q theo hướng từ trên xuống, anh Q đưa tuýp sắt lên đỡ thì bị đòn gánh trượt theo tuýp sắt vào đỉnh đầu; anh Q dùng tuýp sắt vụt làm rơi đòn gánh của T; T lao vào ôm giằng tuýp sắt với Q thì có anh Nguyễn Văn K ở cùng thôn và anh C chạy đến. Anh K vào can ngăn ôm T ra, anh C chạy đến ôm, bóp cổ và đâm vào người anh Q. Sau đó, Công an xã C xuống mời các đối tượng về trụ sở công an xã làm việc. Anh Q bị chấn thương vùng đỉnh đầu và cẳng tay phải điều trị tại Bệnh viện Đa khoa huyện N từ ngày 30/6/2017 đến 07/7/2017 thì ra viện. Ngày 20/10/2017, anh Q có đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với T.

Kết luận giám định số 90/TgT ngày 10/8/2017 và C văn trả lời Kết luận giám định số 37/CVPĐ ngày 04/10/2017 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương xác định thương tích của anh Q: Chấn thương vùng đầu gây chấn động não điều trị ổn định xác định tỷ lệ tổn thương là 05%. Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt trên khớp đốt 1,2 ngón I tay trái, kích thước nhỏ, mờ phẳng không ảnh hưởng vận động, tỷ lệ tổn thương là 01%. Tổng tỷ lệ tổn hại sức khỏe tại thời điểm giám định là 06%. Tổn thương trên có đặc điểm do vật tày có cạnh gây nên.

Vật chứng thu giữ: 01 cán cuốc làm bằng tre dài 1,25m, lưỡi cuốc làm bằng kim loại kích thước 17x23cm; 01 tuýp sắt rỗng dài 1,15m đường kính 3,5cm; 01 đoạn gậy tre dài 1,1m bị gãy nham nhở, 01 đầu đường kính 4cm; 01 đầu đường kính

3cm; 01 lưỡi xẻng làm bằng kim loại; 01 mũ cối màu xanh, trên phần trái mũ có vết lõm dính bùn đất; 01 đòn gánh làm bằng tre dài 1,5m.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Q yêu cầu bị cáo bồi thường 8.000.000 đồng (bao gồm tiền chi phí khám, điều trị, tổn thất về tinh thần).

Tại cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận hành vi như đã nêu.

Tại bản án hình sự số 12/2018/HS-ST ngày 09/3/2018, TAND huyện N đã tuyên bố Nguyễn Đình T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 1 Điều 104, Đ h, p khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 33 BLHS năm 1999; phạt T 04 tháng tù, tính từ ngày bắt thi hành án. Tuyên bị cáo T phải bồi thường cho anh Q: Chi phí chữa bệnh, tiền thuê xe đi viện, khoản tiền mất thu nhập, tiền bồi dưỡng sau khi ra viện và bồi thường tổn thất tinh thần, tổng số tiền là 5.930.000 đồng. Bản án còn tuyên nghĩa vụ chậm trả, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/3/2018 bị cáo T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung sau:

1. Do bị anh Q dùng xẻng đánh vào đầu tại ruộng gây choáng, chảy máu dẫn đến bị kích động mới cầm đòn gánh đuổi theo; Tại nhà ông V do Q cầm tuýp sắt quay lại đánh nên buộc phải tự vệ.

2. Tại bờ ao nhà ông V, bị cáo dùng đòn gánh đánh trúng tuýp sắt trượt về phía trước nhưng vết thương lại ở phía sau đầu nên thương tích của anh Q là do hai bên giằng co nhau không phải do dùng đòn gánh đánh như bản án sơ thẩm nêu.

3. Hành vi xuất phát từ việc tranh chấp đất đai và việc bảo vệ đất của gia đình là đúng cần được bảo vệ. Nhưng bản án lại nhận xét là nhân thân xấu.

4. Không đồng ý bồi thường tổn thất tinh thần mức 3.000.000đ vì bị cáo cũng là người bị thương, cũng bị tổn thất tinh thần.

Tại phiên tòa: Thông qua luật sư, bị cáo T giao nộp 10 bản ảnh, theo bị cáo đó là ảnh chụp khu vực ruộng và tại gia đình ông V khi xảy ra đánh nhau; ảnh chụp bị cáo bị chảy máu vùng đầu do anh Q dùng xẻng đánh. Trình bày và giữ nguyên nội dung kháng cáo, xác định: Tại khu ruộng tranh chấp, anh Q đã dùng xẻng đánh bị cáo vào đầu bị thương, gây choáng nên khi anh Q bỏ chạy bị cáo cầm đòn gánh đuổi theo. Tại nhà ông V, anh Q đã dùng tuýp sắt tấn công bị cáo nên bị cáo dùng đòn gánh đánh lại trượt vào tuýp nước nhưng trượt về phía trước. Thương tích của anh Q không phải do dùng đòn gánh đánh như anh Q khai mà có thể bị thương khi hai bên dằng co tại nhà ông V. Hành vi của bị cáo là tự vệ và không phạm tội. Bị cáo xác định ở giai đoạn điều tra bị cáo khai hoàn toàn tự nguyện và không bị ép hoặc mớm cung; xác định chữ ký chữ viết của bị cáo tại các bản tự khai, tường trình là do bị cáo viết. **Người bị hại khai:** Tại khu ruộng tranh chấp, bị cáo là người chủ động gây sự và đánh bị hại; bị hại đã dùng xẻng đánh lại vào mũ cối và xẻng bị gãy,

hai bên ôm giằng co thì anh C cầm cuốc chạy đến nên bị hại đã bỏ chạy vào nhà anh V mục đích nhờ giúp đỡ nhưng ông V không có nhà. Trong lúc bị T cầm đòn gánh cùng anh C cầm cuốc đuổi đến khu vực nhà anh V, anh đã nhặt được tuýp sắt quay lại thì gặp T đuổi đến dùng đòn gánh đánh theo chiều từ trên xuống, nên bị hại đã dùng tay trái dơ cao tuýp sắt để chống đỡ và bị đòn gánh đánh trượt vào tuýp sắt đập vào đầu. Thương tích của bị hại là do bị cáo T gây ra, đề nghị Tòa án xét xử theo pháp luật. **Người làm chứng là anh C khai:** Tại ruộng tranh chấp giữa T và Q thì không biết ai là người đánh trước, chỉ biết T và Q người dùng xẻng, người dùng đòn gánh đánh nhau nên anh cầm cuốc chạy lại thì anh Q bỏ chạy; T cầm đòn gánh đuổi theo Q anh cũng đuổi theo. Tại nhà anh V anh cũng chỉ nhìn thấy hai người, người dùng đòn gánh người dùng tít sắt đánh nhau còn anh vào can. Anh C xác định, sau khi sự việc đánh nhau xảy ra, anh và T cùng bà H (là mẹ) có hành vi phá lúa của gia đình bà N và đã bị phạt vi phạm hành chính mức 3.500.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố, trình bày luận tội, đánh giá tính chất vụ án; xác định sau khi hai bên đánh nhau tại khu ruộng tranh chấp, anh Q đã bỏ chạy nhưng bị cáo tiếp tục dùng đòn gánh đuổi và đánh anh Q là hành vi cố ý; đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ do cơ quan điều tra thu thập chứng minh tội phạm, có căn cứ xác định bị cáo đã dùng đòn gánh là hung khí nguy hiểm vụt anh Q theo hướng từ trên xuống, anh Q dơ cao tít sắt để đỡ thì đòn gánh trượt vào tuýp sắt trượt vào đầu như anh Q khai; phù hợp với lời khai của bị cáo và nhân chứng. Hành vi của bị cáo không phải là phòng vệ chính đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng như án Sơ thẩm đã áp dụng, đánh giá thái độ khai báo và ý thức không tôn trọng pháp luật trong thời gian chờ xử lý (nhỏ lúa bị phạt hành chính). Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm cả phần hình phạt cũng như bồi thường dân sự.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận: Không đồng ý với luận tội của đại diện VKSND, vì chính anh Q đã đánh vào đầu bị cáo T bằng xẻng, do T đội mũ nên làm lõm mũ và gây cán xẻng; bị cáo bị thương gây kích động về tinh thần nên mới đuổi theo người bị hại. Tại nhà ông V, bị hại đã có hành vi dùng ống tuýp sắt là hung khí nguy hiểm chủ động tấn công bị cáo, buộc bị cáo phải tự vệ. So sánh hai loại hung khí, bị cáo dùng đòn gánh, bị hại dùng tuýp sắt có độ dài gần như nhau; khoảng cách giữa hai người đứng đối diện khoảng 2 đến 3m như bị cáo khai thì hành vi của T là phòng vệ chính đáng. Thương tích của bị hại không phải do T dùng đòn gánh gây lên mà có thể do va đập khi người bị hại lấy tuýp sắt vì nếu xác định bị cáo dùng đòn gánh đánh vào đầu như bị hại khai thì thương tích không thể nhẹ như bệnh án mô tả. Nên đề nghị HĐXX, áp dụng quy định pháp luật theo hướng có lợi cho bị cáo, tuyên Nguyễn Đình T không phạm tội, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án; đề nghị khởi tố anh Q dùng xẻng đánh anh T là hành vi giết người.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về tố tụng:* Giai đoạn sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng đã cơ bản thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự trong việc điều tra, truy tố và xét xử đối với bị cáo Nguyễn Đình T.

[2]. *Về hành vi phạm tội:*

Tại phiên tòa, bị cáo khai diễn biến hành vi xô sát giữa bị cáo và người bị hại ở hai giai đoạn, tại ruộng người bị hại dùng xẻng đánh vào đầu (đầu đội mũ cứng) bị cáo nhưng vẫn bị chảy máu dẫn đến kích động mới cầm đòn gánh đuổi theo anh Q; Tại nhà ông V do anh Q cầm tuýp sắt quay lại đánh bị cáo buộc bị cáo phải tự vệ; vết thương ở đầu anh Q do giằng co chứ không phải do dùng đòn gánh đánh như anh Q khai. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra bị cáo có nhiều bản tường trình, tự khai nêu lại diễn biến từ khi hai người xảy ra xung đột tại thửa ruộng tranh chấp; người dùng xẻng, người dùng đòn gánh đánh nhau và bị ngã tại ruộng. Sau đó anh C (anh trai T) cầm cuốc chạy ra, anh Q đã vùng dậy bỏ chạy vào nhà ông V cách đó khoảng 70m. Bị cáo tiếp tục cầm đòn gánh đuổi theo. Tại nhà ông V, anh Quảng đã dùng tuýp sắt chạy ra đứng đối diện, bị cáo dùng đòn gánh vụt từ trên xuống dưới, anh Q dơ tuýp sắt lên đỡ, đòn gánh đập trượt theo tuýp sắt trúng đầu, bị cáo lao vào giằng tuýp sắt, hai người tiếp tục giằng co và sau đó được anh K can ngăn...(BL: 83, 84, 85, 86, 87, 100, 101, 102). Phù hợp với lời khai của người bị hại (anh Q); phù hợp trình bày của anh C (anh bị cáo T) là người tham gia đuổi anh Q và có mặt tại nhà ông V khai:...Lúc nhìn thấy hai người đánh nhau, tôi cầm cuốc chạy ra thì anh Q bỏ chạy không cầm theo gì, T cầm đòn gánh, còn tôi cầm cuốc đuổi theo; tại nhà anh V thấy Q lấy một tuýp sắt cạnh nhà và ra sân gần bờ ao; T cầm đòn gánh dơ lên vụt về phía người Q, hai người đứng đối diện cách nhau khoảng 70 phân; do Q dùng tuýp sắt dơ lên đỡ thì đòn gánh do T cầm vụt trượt theo tuýp sắt, đầu đòn gánh trúng vào đầu Q...(BL:120, 121. 128, 131). Phù hợp với nội dung ghi trong Bệnh án ngoại khoa của Bệnh viện Đa khoa huyện N mô tả chấn thương của anh Q (BL68); phù hợp kết quả giám định (BL.11) . Nên có căn cứ xác định: Khoảng 08 giờ ngày 30/6/2017, tại nhà ông Nguyễn Văn V ở Thôn A, xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Đình T dùng đòn gánh bằng tre dài 1,5m đánh trượt theo tuýp sắt vào đầu anh Nguyễn Văn Q. Hậu quả anh Q bị chấn thương vùng đầu gây chấn động não, tỷ lệ tổn thương tích 05% (dưới 11%) nhưng bị cáo sử dụng chiếc đòn gánh được xác định là hung khí nguy hiểm. Do anh Q có đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với T, nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội cố ý gây thương tích theo Đ a khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999. Và Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng pháp luật và quyết định hình phạt với bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa xác định hành vi của bị cáo T là do kích động về tinh thần do bị người bị hại dùng xẻng đánh bị thương; tại nhà ông V, bị hại là người đã dùng tuýp tấn C bị cáo buộc bị cáo phải chống đỡ là phòng vệ

chính đáng. Tuy nhiên, diễn biến hành vi giữa bị cáo và người bị hại xảy ra ngày 30/6/2017 như tài liệu hồ sơ thể hiện lại không giống như bị cáo và luật sư nêu tại phiên tòa, vì: Lúc đầu tại khu ruộng tranh chấp hai bên xảy ra xô xát đánh nhau, do có sự xuất hiện của anh C cầm cuốc chạy đến nên Q đã tay không bỏ chạy vào nhà ông V mục đích nhờ sự giúp đỡ nhưng gia đình ông V không có ai ở nhà, trong khi đó T và anh C người cầm đòn gánh, người cầm cuốc đuổi theo. Tại nhà ông V, anh Q nhặt được ông tuýp sắt quay ra vì không còn đường chạy thì T đã có mặt dùng đòn gánh tấn công; diễn biến như bị cáo và nhân chứng khai trong quá trình điều tra phù hợp nhau. Nên không có căn cứ cho rằng hành vi của bị cáo T là phòng vệ chính đáng. Lập luận và đề xuất của người bào chữa chỉ dựa vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa là thiếu căn cứ và mang tính suy diễn chủ quan nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo, HĐXX thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo cơ bản thành khẩn khai báo. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, trình bày của bị cáo thể hiện thái độ khai báo không thành khẩn nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo theo điểm p khoản 1 Điều 46 như cấp sơ thẩm đã áp dụng. Bị cáo lần đầu phạm tội và dùng đòn gánh được là hung khí nguy hiểm gây thương đối với người bị hại tỷ lệ tổn thương là 5% và bị truy tố xét xử theo khoản 1 Điều 104 BLHS. Nên áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 46- BLHS năm 1999. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo thể hiện coi thường pháp luật; vì mâu thuẫn trong việc chia ruộng chưa được giải quyết dứt điểm bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm tấn công người bị hại; khi người bị hại đã bỏ chạy; bị cáo và anh bị cáo tiếp tục mang theo đòn gánh, cuốc đuổi theo và T sử dụng đòn gánh đánh bị thương người bị hại. Tuy thương tích của anh Q không lớn, nhưng trong thời gian chờ xử lý thì ngày 23/7/2017 bị cáo lại cố ý cùng người thân nhỏ lứa của gia đình người bị hại; cấp có thẩm quyền đã xử phạt vi phạm hành chính (QĐ số 375/QĐ-XPVPHC ngày 22/8/2017 xử phạt T 3.500.000đồng). Càng thể hiện thái độ không tôn trọng luật pháp; coi thường kỉ cương phép nước, gây dư luận xấu tại địa phương. Vì thế, HĐXX giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt. Có như vậy mới đủ sức giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung và giữ gìn trật tự trị an trên địa bàn.

[5]. Bị cáo không thuộc trường hợp được hoãn thi hành án theo quy định tại Điều 67 BLHS nên cần bắt tạm giam bị cáo theo quy định tại Điều 347 BLTTHS để đảm bảo công tác thi hành án hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bản án sơ thẩm đã phân tích đánh giá các căn cứ xác định bị cáo phải bồi thường về dân sự. Trên cơ sở tài liệu có trong hồ sơ, xác định bản án sơ thẩm đã quyết định về các khoản bồi thường dân sự là có căn cứ; cần giữ nguyên. Đồng nghĩa với việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về nội dung này.

[7]. Liên quan đến hành vi Nguyễn Văn Q dùng xẻng đánh Nguyễn Đình T, do T từ chối giám định thương tích nên không xác định được tỷ lệ tổn thương cơ thể và T cũng không có đơn yêu cầu xử lý về hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm không xét nên cấp phúc thẩm cũng không có căn cứ xem xét theo ý kiến của bị cáo T tại phiên tòa.

[8]. Liên quan đến tranh chấp đất như bị cáo nêu trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa Phúc thẩm; nội dung này cấp phúc thẩm không xét nhưng cần phải giải thích cho bị cáo thấy được, tranh chấp đất đai thuộc phạm vi điều chỉnh của luật dân sự. Bị cáo không thể cho rằng mình có quyền hành động như bị cáo đã thực hiện đối với anh Q để bảo vệ quyền lợi của gia đình là đúng. Mà cần phải đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[9]. Các QĐ khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[10]. *Về án phí*: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình T; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HS-ST ngày 09/3/2018 của TAND huyện Nam Sách về hình phạt và bồi thường dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 104, điểm g, h khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 33 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 04 (bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” thời hạn tù tính từ ngày tuyên án (07/6/2018).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự, Nguyễn Đình T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Q gồm: Chi phí chữa bệnh, tiền thuê xe đi viện, khoản tiền mất thu nhập của anh Q, tiền bồi dưỡng sau khi ra viện và khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần, tổng số tiền là 5.930.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/QH14 ngày 30/12/2016 về chế độ án, lệ phí Tòa án: Buộc

bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (07/6/2018).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện N
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an huyện N
- Sở TP tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện N
- Trại tạm giam Kim Chi;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường